Ý THỨC SINH THÁI TRONG THƠ CAO BÁ QUÁT: TỪ MỐI QUAN HỆ GIỮA CON NGƯỜI VÀ TỰ NHIÊN ĐẾN TINH THẦN TÔN TRỌNG SỰ SỐNG

Vũ Hải Song Quyên, Nguyễn Thị Yến
***Trường THPT Marie Curie, Thành phố Hồ Chí Minh.**
****Trường THPT Nguyễn Hữu Cảnh, Thành phố Hồ Chí Minh**

Tóm tắt: *Bài viết khảo sát ý thức sinh thái trong thơ Cao Bá Quát từ góc nhìn phê bình sinh thái, tập trung vào mối quan hệ giữa con người, tự nhiên và muôn loài. Qua hình tượng cây cỏ, hoa lá, chim muông và các sinh thể gần gũi, bài viết cho thấy tự nhiên trong thơ Cao Bá Quát không chỉ là không gian thẩm mỹ hay phương tiện biểu đạt tâm trạng mà còn hiện diện như một thế giới sống có giá trị tự thân. Con người được đặt trong mối quan hệ tương giao, tương cảm và hài hòa với tự nhiên, qua đó vượt khỏi quan niệm lấy con người làm trung tâm tuyệt đối. Từ sự đồng cảm với sự sống, thơ Cao Bá Quát gợi mở tinh thần yêu thương, bảo vệ và tôn trọng muôn loài. Đây là cơ sở để nhận diện những biểu hiện sớm của cảm thức sinh thái trong thơ ca trung đại Việt Nam.*

Từ khóa: *Cao Bá Quát; ý thức sinh thái; phê bình sinh thái; tự nhiên; tôn trọng sự sống*

ECOLOGICAL CONSCIOUSNESS IN CAO BÁ QUÁT'S POETRY: FROM THE HUMAN–NATURE RELATIONSHIP TO A SPIRIT OF RESPECT FOR LIFE

Abstract: *This article examines ecological consciousness in Cao Ba Quat's poetry from the perspective of ecocriticism, focusing on the relationship between humans, nature, and other living beings. Through images of plants, flowers, birds, and other familiar creatures, the study demonstrates that nature in Cao Ba Quat's poetry is not merely an aesthetic space or a means of expressing emotions, but also a living world possessing intrinsic value. Humans are situated within a relationship of interaction, empathy, and harmony with nature, thereby moving beyond an exclusively anthropocentric perspective. Through empathy with living beings, Cao Ba Quat's poetry evokes a spirit of love, care, and respect for all forms of life. This provides a basis for identifying early manifestations of ecological consciousness in Vietnamese medieval poetry.*

Keywords: *Cao Ba Quat; ecological consciousness; ecocriticism; nature; respect for life*

Nhận bài: 15/07/2026 Phản biện: 15/08/2026 Duyệt đăng: 18/08/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong văn học trung đại Việt Nam, thiên nhiên và muôn loài thường gắn bó với đời sống tinh thần con người, nhưng nhiều khi vẫn được sử dụng như những hình ảnh tượng trưng hoặc phương tiện biểu đạt tâm trạng. Từ góc nhìn sinh thái, những biểu hiện ấy có thể được đọc lại để nhận diện ý thức về sự sống và mối quan hệ giữa con người với tự nhiên. Trong thơ Cao Bá Quát, thiên nhiên không chỉ là phông nền cảm xúc mà còn là một thế giới sống, nơi con người, cây cỏ và động vật tương giao, tương cảm và cùng tồn tại. Đặc biệt, thế giới động vật được khắc họa với những đặc điểm, hoạt động và trạng thái riêng; nhà thơ dành cho chúng sự quan tâm, yêu thương và đồng cảm. Ranh giới giữa người và vật vì thế được thu hẹp, hình thành mối quan hệ hài hòa, bình đẳng giữa các dạng sống. Từ đó, thơ Cao Bá Quát không tuyệt đối hóa vị thế trung tâm của con người mà hướng đến việc nhìn nhận con người như một thành viên của tự nhiên, đồng thời khơi dậy lòng trắc ẩn và tinh thần tôn trọng sự sống.

II. TỪ QUAN HỆ THẨM MỸ ĐẾN Ý THỨC TÔN TRỌNG SỰ SỐNG TRONG THƠ CAO BÁ QUÁT

2.1. Động vật như một đối tượng của quan hệ thẩm mỹ sinh thái

Lại Nguyên Ân định nghĩa: "Quan hệ thẩm mỹ là sự liên hệ về tinh thần của chủ thể với khách thể, dựa trên mối quan tâm không vị lợi đối với khách thể, đi kèm với cảm giác thỏa mãn sâu về tinh thần do được giao tiếp với khách thể" (Lại Nguyên Ân, 1999). Từ quan niệm này, có thể thấy quan hệ thẩm mỹ không nhất thiết phải bắt đầu từ lợi ích vật chất. Chủ thể có thể hướng đến một đối tượng bởi chính vẻ đẹp, sự sống và khả năng khơi gợi cảm xúc của đối tượng ấy. Đặt trong thơ Cao Bá Quát, động vật nhiều khi được nhìn nhận theo đúng nghĩa đó: chúng tồn tại như những cá thể có vẻ đẹp, có hoạt động và có nhịp sống riêng, đồng thời góp phần tạo nên những rung động thẩm mỹ cho con người.

Ở bài "Phục đề", chim yến xuất hiện giữa không gian mùa xuân cùng gió, nắng, liễu và hoa:

Tố luyện xuân phong khởi,

Chu duy thự sắc khai.
Liễu năng đê tọa phát,
Yến giải bàng nhân hồi.
Phi động quan sinh ý,
Nùng xiêm xứng thủ tài.
(Phục đề)
Gió xuân nổi lên như lụa trắng,
Màu nắng sớm mở ra trên màn son.
Liễu rủ xuống tận chỗ ngồi,
Yến rời bàn bay về bên người.
Bay lượn xem có sức sống,
Liễu sum suê, chim nhỏ nhắn đều xứng đáng với bản chất tài năng của chúng.
(Lại đề - Thái Trọng Lai dịch)

Điều đáng chú ý ở đây là chim yến không bị tách khỏi chỉnh thể tự nhiên mà cùng tồn tại với gió xuân, ánh nắng và cây liễu. Đặc biệt, hình ảnh "yến giải bàng nhân hồi" gợi ra sự gần gũi giữa chim và người. Chim không xuất hiện như một vật thể để con người quan sát từ bên ngoài mà chủ động "bay về bên người", tạo nên cảm giác tương giao thân mật. Cái đẹp vì thế không nằm riêng ở chim yến hay cây liễu mà hình thành từ mối quan hệ hài hòa giữa các thành tố của hệ sinh thái.

Ở đây có thể nhận diện một dạng thẩm mỹ sinh thái: con người thưởng thức cái đẹp nhưng không chiếm hữu hay can thiệp vào tự nhiên; ngược lại, con người hòa mình vào nhịp vận động của tự nhiên để cảm nhận vẻ đẹp của nó. Thiên nhiên được nhìn như một chỉnh thể sống động, trong đó mỗi cá thể đều có vị trí và giá trị riêng.

Cảm thức ấy tiếp tục xuất hiện trong "Phụng di ngô Điều Phủ niên ông":

Xuân bào tự thảo niên không lục,
Thu yến như nhân tuế hựu quy. (Phụng di ngô Điều Phủ niên ông)
(Áo như màn cỏ xuân, / Én như người mỗi năm lại về.)

Hình ảnh én trở về được đặt song song với sự trở về của con người. Chim én vì thế không còn là một hình ảnh trang trí cho mùa xuân mà trở thành một sinh thể có chu kỳ sống và nhịp điệu riêng. Sự trở về của én gợi ý niệm về thời gian tuần hoàn của tự nhiên, đồng thời tạo nên sự đồng điệu giữa con người và muôn loài. Con người nhận ra mình trong hành trình trở về của chim; còn chim trở thành một phần của ký ức và cảm xúc con người.

Cao Bá Quát cũng dành sự trân trọng đặc biệt cho những loài vật mang vẻ đẹp cao quý như phượng hoàng, cá rồng:

Lục vân trường tại Cửu Nghi san.
Y ước Thương Ngô thái phượng hoàng.
Kiến thuyết Thuấn Thiều chung Cửu tấu,
Ngư long do vũ Động Đình gian.
(Cung nghĩ Gia Thành điện thiên hoa thiếp tử, kỳ lục).
Mây xanh còn mãi ở núi Cửu Nghi,
Hẹn ước với nhau chim phượng hoàng đẹp trở về đất Thương Ngô.
Nghe nói nhạc Thiều của vua Thuấn đến cửu tấu là hết, / Cá rồng còn múa ở vùng hồ Động Đình. (Cung kính dự thảo về điện Gia Thành, viết trên thiếp thiên hoa – Thạch Lam dịch)

Ở trường hợp này, động vật được nhìn nhận bằng những mỹ từ trang trọng, cho thấy sự nâng niu của chủ thể trước vẻ đẹp của muôn loài. Tuy nhiên, ý nghĩa sinh thái không chỉ nằm ở việc tác giả ca ngợi những loài vật cao quý mà còn ở chỗ thế giới động vật được nhìn nhận như một bộ phận có giá trị của tự nhiên.

Nếu phượng hoàng và cá rồng đại diện cho vẻ đẹp cao quý thì những loài vật nhỏ bé, bình dị lại cho thấy một phương diện khác của cảm thức thẩm mỹ. Trong "Đồng chư hữu đăng Trấn Vũ tự chung lâu", Cao Bá Quát dựng nên một bức tranh mà cỏ, hoa, bướm, chim âu và con người cùng tồn tại:

Xuân phong xuy khách thướng cao lâu,
Vân cảnh thiên quang đãng bích lưu.
Phương thảo thê thê Hoàng hạc chử,
Tố ba thiển thiển bạch tần châu.
Vãng lai na quản hoa biên điệp,
Phi túc đồng khan thủy thượng âu. (Đồng chư hữu đăng Trấn Vũ tự chung lâu).
Gió xuân thổi đưa khách lên lầu cao,
Mây sáng, trời quang mênh mông nước biếc. / Cỏ non rờn rợn (tựa như) bến hạc vàng,/ Sóng nước nhè nhẹ lan vào bãi rau tần trắng./ Bướm bên hoa bay lượn không chán,/ Chim âu trên mặt nước bay lại đậu.
(Cùng các bạn lên chơi gác chuông chùa Trấn Vũ – Trần Ngọc Thu dịch)

Ở đây, bướm và chim âu không chỉ làm cho bức tranh thêm đẹp mà còn góp phần tạo nên nhịp sống cho cảnh vật. Nếu không có chúng, không gian thiên nhiên sẽ mất đi sự chuyển động và âm hưởng sống động.

Quan hệ thẩm mỹ giữa người và vật còn thể hiện rõ ở khả năng chia sẻ cảm xúc. Trong "Phụng độc Thương Sơn anh nương khúc tiểu thư kỳ hậu", Cao Bá Quát viết: "Mệnh con người mỏng

hơn cánh hoa / Bướm thành đàn thương xót mà bay đến.” Bướm ở đây không đơn thuần được nhìn như một vật thể của tự nhiên mà được trao cho khả năng “thương xót”. Cách nhân hóa ấy cho thấy khoảng cách giữa người và vật được thu hẹp. Con người nhìn thấy trong thế giới động vật một khả năng đồng cảm, từ đó tìm được sự an ủi tinh thần.

Tương tự, trong “Nhất dạ”, con ve trong đêm lạnh được miêu tả:

“Con ve lạnh có ý chừng thôi kêu / lần đến gối ta chỉ lên tiếng rên rỉ.”

Con ve không còn là một hình ảnh vô tri mà hiện diện như một sinh mệnh đang chịu đau đớn. Đáng chú ý hơn, nó tìm đến bên con người. Sự tương giao ấy khiến nỗi đau của con người và nỗi đau của con vật dường như gặp nhau. Ranh giới giữa chủ thể và khách thể vì thế trở nên mềm hóa: con người không đứng ngoài quan sát mà cảm nhận nỗi đau của một sinh mệnh khác.

Nhìn từ toàn bộ hệ thống dẫn chứng, có thể thấy quan hệ thẩm mỹ trong thơ Cao Bá Quát đã vượt ra ngoài việc thưởng ngoạn thiên nhiên đơn thuần. Động vật có vẻ đẹp riêng, có đời sống riêng và có khả năng tác động trở lại đời sống tinh thần của con người. Chính quá trình tiếp xúc, cảm nhận và đồng cảm ấy hình thành một kiểu thẩm mỹ sinh thái, trong đó cái đẹp được tạo ra từ sự hài hòa giữa con người và các sinh thể khác.

2.2. Động vật trong mối quan hệ cộng sinh của tự nhiên

Nếu quan hệ thẩm mỹ cho thấy con người cảm nhận và yêu quý thế giới động vật thì quan hệ cộng sinh cho thấy con người nhận thức được sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các sinh thể. Theo Nguyễn Văn Đạm (2000), “cộng sinh” là “sống với nhau, nhờ vả nhau”. Từ góc nhìn sinh thái học, đây là một trong những nguyên tắc quan trọng cho thấy tự nhiên không tồn tại như tập hợp những cá thể biệt lập mà là một mạng lưới quan hệ trong đó mỗi sinh vật đều có sự liên hệ nhất định với những sinh vật khác.

Trong thơ Cao Bá Quát, mối quan hệ ấy được thể hiện trước hết qua sự gắn bó giữa động vật với không gian tự nhiên. Trong “Hoành sơn quan”:

Túc điểu sơ đầu thụ,
Quy vân bán ủng san.
(Hoành sơn quan)
(Chim tìm tổ bay lùm cây,
Mây ôm núi, núi ôm mây dập dìu).
(Ải hành sơn – Tố hữu dịch)

Hình ảnh chim tìm về cây để trú ngụ cho thấy mối quan hệ giữa sinh vật và môi trường sống. Cây không chỉ là một yếu tố của cảnh quan mà còn là nơi cư trú của chim. Tương tự, mây và núi “ôm” lấy nhau tạo nên một chỉnh thể cảnh quan. Cách diễn đạt ấy cho thấy tự nhiên được hình dung như một hệ thống các quan hệ tương hỗ, trong đó mỗi thành tố vừa tồn tại độc lập vừa góp phần tạo nên sự tồn tại của chỉnh thể.

Mối quan hệ cộng sinh cũng được thể hiện trong những không gian gần gũi với đời sống con người. Trong “Viên trung tán bộ”, Cao Bá Quát viết:

Ngưu bối miên cù dục,
Tường đầu ngữ tích linh.
Phùng nhân thuyết nông phố,
Như tại cố hương thình.
Chim sáo ngủ trên lưng trâu,
Chim chìa vôi kêu đầu vách.
Còn mình gặp người thì nói chuyện vườn ruộng,
Không khác gì lắng nghe chuyện lúc ở quê nhà
(Dạo bước trong vườn – Sa Minh dịch).

Chim sáo, chim chìa vôi, trâu, con người và không gian vườn ruộng cùng xuất hiện trong một thế giới sinh hoạt gần gũi. Điều quan trọng là Cao Bá Quát không tách con người khỏi thế giới ấy. Ngược lại, âm thanh và hình ảnh của các loài vật trở thành những dấu hiệu gợi nhớ quê hương. Động vật vì vậy tham gia trực tiếp vào đời sống ký ức và cảm xúc của con người.

Đây cũng là lý do thiên nhiên trong thơ Cao Bá Quát thường mang dáng dấp của quê nhà. Con người tìm thấy mình trong cảnh vật và tìm thấy quê hương qua những sinh thể quen thuộc. Khi con người sống cùng chim, trâu, cây cỏ, vườn ruộng, ranh giới giữa “ta” và “vật” trở nên không còn quá cứng nhắc. Đây là một biểu hiện đáng chú ý của tư duy sinh thái: con người ý thức về mình thông qua quan hệ với các sinh thể khác.

Mối quan hệ cộng sinh giữa động vật và thực vật xuất hiện với tần suất khá cao trong thơ Cao Bá Quát. Hoa và chim là một trong những cặp hình ảnh tiêu biểu. Trong “Đề Trần Thận Tư học quán, Thứ Phương Đình Vận, kỳ thập nhất”, tác giả viết: “Đầy hoa bên tường màu sắc đẹp / Chim oanh véo von trên cành.” Trong “Phụng họa tuần phủ kinh trung kiến ký thứ vận, kỳ nhị”, lại có hình ảnh: “Chim oanh và hoa vẫn hẹn nhau / Chiếu cố nhiều cho người đến chơi.”

Từ đó, có thể thấy thiên nhiên trong thơ Cao Bá Quát vận hành theo một nguyên tắc tương hỗ. Cây là nơi chim trú ngụ; hoa là nơi bướm tìm đến; chim báo hiệu thời gian và thời tiết cho con người;

con người lại tìm thấy sự bình yên, niềm vui và sự sống từ các loài vật. Mối quan hệ này vì thế không phải một chiều mà là mạng lưới trao đổi giữa nhiều sinh thể.

Đáng chú ý, Cao Bá Quát còn nhận ra khả năng của động vật trong việc hỗ trợ con người nhận biết những biến đổi của môi trường. Trong "Nhị thập nhị nhật đắc phong, hí trình đồng chu":

U song ngọa thính tiểu đào thanh,
Khởi khán tường ô loát loát minh.
Yến tử tiệm lai tri địa cận,
Văn căn hốt liễm giác phong sinh.
(Nhị thập nhị nhật đắc phong, hí trình đồng chu)

Nằm chỗ cửa sổ kín nghe tiếng sóng gió,
Trở dậy xem quạ cột buồm kêu cót két
Chim én bay dần đến, biết đất liền ở gần, /
Góc mây chợt góp lại biết rằng sắp có gió. (Ngày hai mươihai được thuận gió, viết đùa đưa các bạn cùng thuyền – Khương Hữu Dụng dịch)

Chim én trong bài thơ không đơn thuần là một hình ảnh đẹp mà trở thành tín hiệu sinh thái giúp con người nhận biết môi trường. Sự xuất hiện của én cho biết đất liền ở gần; biến đổi của mây cho biết gió đang đến. Như vậy, động vật không chỉ sống trong môi trường mà còn tham gia vào quá trình con người đọc hiểu môi trường.

Tương tự, trong "Tuần linh", chim bồ câu được miêu tả:

Bột linh gia gia dưỡng,
Tuần lương chỉ ái cừ.
Thủ trinh bất ly thất,
Cấp nghĩa lũ truyền thư.
Thê xứ y sùng tạ,
Phi thời nhập bích hư. (Tuần linh).

Bồ câu nhà nhà đều nuôi,
Nhưng chỉ thích người là thuần.
Giữ tiết trinh không lìa đôi lứa,
Theo đạo nghĩa bao lần đưa thư.
Chỗ đậu phải dựa vào nhà cao,
Khi bay, xông thẳng lên trời biếc.
(Chim bồ câu thuần - Thái Trọng Lai dịch)

Từ những biểu hiện trên, có thể thấy mối quan hệ cộng sinh trong thơ Cao Bá Quát được triển khai trên nhiều tầng: động vật – con người, động vật – thực vật và động vật – môi trường tự nhiên. Các mối quan hệ ấy cùng hướng đến một chỉnh thể trong đó không có sinh thể nào hoàn toàn độc lập. Con người cần thiên nhiên để tồn tại, nhưng đồng thời thiên nhiên cũng cần được con người tôn trọng và bảo vệ.

2.3. Từ tương giao với động vật đến ý thức tôn trọng sự sống

Nếu chỉ dừng lại ở quan hệ thẩm mỹ và cộng sinh, những biểu hiện trên có thể được xem như một cách thưởng ngoạn thiên nhiên khá phổ biến trong thơ ca truyền thống. Tuy nhiên, điều đáng chú ý trong thơ Cao Bá Quát là từ việc nhìn thấy vẻ đẹp và sự sống của muôn loài, chủ thể trữ tình còn hình thành một thái độ đồng cảm, yêu thương và tôn trọng sự sống.

Điều này thể hiện rõ nhất khi Cao Bá Quát chú ý đến những trạng thái đau đớn, yếu đuối hoặc tình cảm của động vật. Hình ảnh con ve trong "Nhất dạ" là một trường hợp tiêu biểu. Tương tự, trong "Kê dưỡng áp", tình mẫu tử của gà mẹ được mô tả bằng những hành động rất cụ thể: tìm thức ăn, gọi con, không bỏ lại con yếu. Từ hành vi của con vật, tác giả liên hệ đến đạo lý của con người: "Lòng làm mẹ cha trên đời / Xưa nay chẳng yêu thương thiên lệch." Như vậy, động vật không chỉ là đối tượng để con người quan sát mà còn trở thành một chủ thể có khả năng đánh thức ý thức đạo đức của con người.

Ở đây có sự chuyển đổi quan trọng: từ thẩm mỹ → đồng cảm → đạo đức sinh thái. Khi con người nhận ra động vật cũng có sự sống, có nhu cầu, có tình cảm và có những mối quan hệ riêng, việc đối xử với chúng không còn chỉ là vấn đề lợi ích mà trở thành vấn đề đạo đức.

Quan niệm này tương ứng với tư tưởng truyền thống được Trần Nho Thìn (2003) nhấn mạnh: mọi sinh mệnh đều có quyền sinh tồn và việc sinh dưỡng, bảo hộ muôn loài được xem như một biểu hiện của "đức". Trong thơ Cao Bá Quát, tư tưởng ấy không được trình bày thành một hệ thống triết học trực tiếp mà được chuyển hóa thành cảm xúc và cách nhìn nghệ thuật. Chính cảm xúc trước sự sống của loài vật là nền tảng để hình thành thái độ tôn trọng sự sống.

Từ góc nhìn phê bình sinh thái, đây là điểm có ý nghĩa đặc biệt. Phê bình sinh thái đặt vấn đề với tư tưởng "con người là trung tâm", bởi việc đặt con người ở vị trí tuyệt đối có thể dẫn đến cách nhìn tự nhiên như một nguồn tài nguyên vô tận. Khi đó, động vật và thực vật chỉ được đánh giá dựa trên khả năng phục vụ con người. Trái lại, thế giới động vật trong thơ Cao Bá Quát nhiều lần được nhìn nhận như những sinh thể có giá trị tự thân.

Chim én có nhịp sống của chim én; chim bồ câu có tập tính riêng; chim oanh có tiếng hót;

bướm có đời sống của bướm; gà mẹ có tình mẫu tử; con ve biết đau. Mỗi loài được quan sát từ đặc điểm tồn tại của chính nó. Chính sự đa dạng ấy cho thấy một cách nhìn không hoàn toàn quy con vật về lợi ích của con người.

Đồng thời, Cao Bá Quát còn cho thấy con người không thể tách khỏi mạng lưới sự sống. Con người cần chim để nhận biết thời tiết, cần thiên nhiên để phục hồi tinh thần, cần cây cỏ và muôn loài để tạo nên môi trường sống. Ngược lại, con người có trách nhiệm không làm tổn hại đến môi trường sống của các sinh thể khác. Từ đó, thơ Cao Bá Quát gợi ra một quan niệm ứng xử có tính sinh thái: con người không phải chủ nhân tuyệt đối của tự nhiên mà là một thành viên trong cộng đồng sự sống.

Từ đó, có thể khẳng định rằng thế giới động vật trong thơ Cao Bá Quát không đơn thuần làm phong phú thêm bức tranh thiên nhiên. Nó góp phần xây dựng một quan niệm về sự sống trong đó con người, động vật và thực vật cùng thuộc về một chỉnh thể sinh thái. Mỗi loài có một vị trí, một nhịp sống và một giá trị riêng; sự tồn tại của loài này có thể tác động đến sự tồn tại của loài khác. Chính vì vậy, thái độ phù hợp không phải là khai thác vô hạn mà là yêu thương, tôn trọng, bảo vệ và ứng xử có giới hạn với muôn loài.

Có thể xem đây là một trong những biểu hiện quan trọng của ý thức sinh thái trong thơ Cao Bá Quát. Ý thức ấy chưa mang hình thức của một diễn ngôn môi trường hiện đại, nhưng đã được biểu hiện qua cảm xúc trước sự sống, khả năng đồng cảm với động vật, nhận thức về sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các sinh thể và thái độ phản tư đối với vị thế trung tâm của con người. Từ tình yêu đối với một con chim, một con bướm, một con ve hay một đàn gà, thơ Cao Bá Quát mở rộng thành một cách nhìn rộng hơn về thế giới: sự sống không thuộc riêng về con người, mà là một chỉnh thể cần được gìn giữ trong trạng thái cân bằng và hài hòa.

III. KẾT LUẬN

Từ mối quan hệ giữa con người với động vật trong thơ Cao Bá Quát, có thể nhận ra một quan niệm sinh thái giàu tính nhân văn được hình thành từ sự gần gũi, yêu thương và tôn trọng sự sống. Động vật không còn là những hình ảnh phụ họa hay biểu tượng đơn thuần mà hiện diện như những sinh thể có đời sống, cảm xúc và vị trí riêng trong mạng lưới tự nhiên. Qua những cánh chim, đàn bướm, con ve, gà mẹ, chim én…, Cao Bá Quát đã nhìn thấy sự tương giao, cộng sinh giữa người – vật – cây cỏ, qua đó làm mờ đi ranh giới của tư duy lấy con người làm trung tâm. Chính từ sự đồng cảm với muôn loài, thơ ông khơi dậy một cách ứng xử đẹp với tự nhiên: biết yêu thương để biết tôn trọng, biết tôn trọng để biết gìn giữ sự sống. Những vần thơ từ thế kỉ XIX vì thế vẫn ngân lên như một tiếng gọi dịu dàng mà sâu xa, đó là lúc con người biết cúi xuống lắng nghe tiếng động của muôn loài, cũng là lúc con người tìm lại sự bình yên và phần nhân hậu nhất của chính mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Đỗ Văn Hiểu. (2012). Phê bình sinh thái – Khuynh hướng nghiên cứu văn học mang tính cách tân. Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ, 15(2X), 48–53.

Đỗ Văn Hiểu. (2016a). Phê bình sinh thái – Cội nguồn và sự phát triển. Tạp chí Nhà văn, 11.

Đỗ Văn Hiểu. (2016b). Tính "khả dụng" của phê bình sinh thái. Tạp chí Lí luận phê bình văn học nghệ thuật, (9).

Lại Nguyên Ân. (1999). 150 thuật ngữ văn học. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

Mai Quốc Liên (Chủ biên). (2012). Cao Bá Quát toàn tập (Tập II). NXB Văn học – Trung tâm Nghiên cứu Quốc học.

Nguyễn Đăng Điệp. (2017). Thời đại khủng hoảng môi trường và vai trò, vị thế của phê bình sinh thái. Trong Phê bình sinh thái: Tiếng nói bản địa – Tiếng nói toàn cầu. NXB Khoa học Xã hội.

Nguyễn Thị Tịnh Thy. (2014). Sáng tác và phê bình sinh thái – Tiềm năng khai thác văn học Việt Nam. Văn nghệ Quân đội.

Nguyễn Thị Tịnh Thy. (2017). Rừng khô, suối cạn, biển độc… và văn chương. NXB Khoa học Xã hội.

Nguyễn Văn Đạm. (2000). Từ điển tiếng Việt. NXB Văn hóa Thông tin.

Trần Đình Hượu. (1999). Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại. NXB Giáo dục.

Trần Đình Sử. (2005). Thi pháp văn học trung đại Việt Nam. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

Trần Nho Thìn. (2003). Văn học trung đại Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa. NXB Giáo dục.

Trần Nho Thìn. (2018). Phương pháp tiếp cận văn hóa trong nghiên cứu, giảng dạy văn học. NXB Giáo dục Việt Nam.